

CHAPITRE XV MISSION ACHEVÉE

« Les années de campagne comptent double », dit-on dans l'armée. Or, Mgr Seitz est en campagne depuis le mois de septembre 1937, soit quarante ans; multipliés par deux, cela fait quatre-vingts ans !... Sans compter les trente années de préparation qui ont précédé, qui n'ont pas été de tout repos — entre le service militaire au Maroc, les longs mois de sanatorium et de cure en montagne, la formation à la dure au séminaire...

Même si pour l'état civil, il n'a qu'à peine soixante-dix ans lorsqu'il rentre en France, la carapace, qui en a vu de toutes les couleurs, accuse une certaine usure, et même une usure certaine. Il n'en veut rien laisser paraître, naturellement, conformément à son habitude, et se cravache d'autant plus fort qu'il sent la bête devenir rétive. Ses proches, cependant, ne sont pas dupes et l'invitent à se modérer, à prendre du repos. Mais il n'en a pas le temps, assure-t-il. Son cerveau fourmille encore de projets, avec des vues très larges, globales, sur l'éducation chrétienne, en particulier ; il est en perpétuel surmenage. Il veut mourir sur la brèche, essayant, jusqu'à son dernier jour et ses dernières forces, de la colmater.

Son nouveau slogan: « Si on attend que tout aille bien pour agir, on ne fera jamais rien! »

La Révolution est en marche et sera universelle, a-t-il dit ; il pense que ce qui manque encore à cette révolution pour embraser le monde, non de feu, de larmes, mais de paix, de justice et d'amour, c'est que nous, chrétiens, nous nous décidions enfin à mettre nos pas dans les pas du Christ, pour réaliser la vérité de son message.

C'est là que chacun de nous doit accepter de reconnaître sa lenteur à vivre cette « folie » qu'exige la Parole de Dieu ; de confesser son infidélité ou sa tiédeur. Nous avons trop souvent fait de la pratique de notre foi une compagnie d'assurance tous risques : ce n'est pas cela, le véritable Évangile.

L'heure est aux saints que nous devons être ! proclame-t-il encore à tous ceux qui veulent bien l'entendre. Faudra-t-il donc que nous passions par l'enfer,

CHƯƠNG XV SỨ MỆNH HOÀN THÀNH

“Những năm ra mặt trận được tính gấp đôi”, trong quân ngũ người ta nói thế. Vậy mà Đức Cha Seitz đã ra mặt trận từ năm 1937, nghĩa là bốn mươi năm; nhân đôi lên thành tám mươi năm!... Không tính ba mươi năm chuẩn bị trước đó, cũng không lúc nào ngơi nghỉ – giữa việc đi quân dịch bên Maroc, các tháng dài nằm trong nhà thương và tĩnh dưỡng trên núi và việc đào tạo cam go tại chủng viện...

Tuy trên giấy tờ, Đức Cha mới chỉ chưa đầy bảy mươi tuổi, khi Ngài trở về Pháp, thân xác Ngài đã từng chứng kiến biết bao biến cố, biểu lộ một sự mòn mỏi nào đó, nếu không muốn nói là một sự mỏi mòn chắc chắn. Dĩ nhiên, Ngài không muốn để lộ ra điều gì cả, tính Ngài là vậy, và Ngài càng gắng sức hơn nữa, khi cảm thấy thể xác mình trở nên bướng bỉnh. Tuy nhiên, những người thân của Ngài không bị lừa, và họ xin Ngài làm việc ít lại, nghỉ ngơi thêm. Nhưng Đức Cha nói mình không có thời giờ cho việc ấy. Đầu óc Ngài còn đầy những dự án, với cái nhìn rất rộng, hướng ra toàn cầu, đặc biệt liên quan tới nền giáo dục Ki-tô giáo; vậy là Ngài cứ thường xuyên làm việc quá sức. Ngài muốn chết trong khi đang phấn đấu, và luôn cố gắng lấy lại sức, cho đến ngày cuối cùng khi sức lực đã cạn kiệt.

Khẩu hiệu mới của Ngài là: “Nếu chờ cho mọi sự xuôi chảy mới hành động, thì sẽ chẳng bao giờ làm gì cả!”

Cuộc Cách Mạng đang tiến hành và sẽ lan rộng khắp nơi, Ngài đã nói thế. Ngài nghĩ rằng điều còn thiếu để cho cuộc cách mạng này có thể đốt cháy thế giới, không phải bằng lửa và nước mắt, nhưng là bằng hòa bình, công lý và tình yêu, đó là chúng ta, các Ki-tô hữu, phải quyết định bước theo chân Chúa Ki-tô, để thực hiện thành công sứ điệp của Ngài.

Về vấn đề này, mỗi người trong chúng ta phải thừa nhận rằng mình còn chậm chạp trong việc sống “sự điên dại” mà Lời Chúa đòi hỏi; và chúng ta cần phải thú nhận sự bất trung hay sự nguội lạnh của mình. Quá nhiều khi, chúng ta coi việc thực hành đức tin của mình như một hăng bảo hiểm cho mọi nguy cơ: đó đâu phải là Tin Mừng đích thực.

Ngài còn công bố cho tất cả những ai muốn nghe Ngài:

Đây là thời điểm dành cho các thánh, và chúng ta cần phải nên thánh! Vậy chẳng lẽ chúng ta sẽ phải đi qua hỏa ngục trước khi xác tín về điều này hay sao? Quý

avant d'en être convaincus? Demandez donc aux chrétiens du Vietnam, de Chine ou d'U.R.S.S. si j'exagère!

De fait, ses chrétiens du Vietnam vivent un enfer de plus en plus horrible, qui devient tellement invivable que les *boat people* se multiplient dans les années qui ont suivi le retour en France de l'évêque de Kontum. Le peuple écrasé fuit le communisme, préférant le risque de la mort en mer plutôt que les persécutions sadiques des Viêt-côngs, l'enfer des camps de concentration, de rééducation, de travaux forcés. Rien ne peut arrêter les envahisseurs dans leur besoin satanique d'écraser tout ce qui ne marche pas selon leur idéal marxiste pimenté de maoïsme, à commencer par l'Église catholique.

Faut-il le redire à ceux qui ne l'auraient pas suffisamment compris? Son usure physique s'accroît davantage, depuis son retour en France, en raison de cette incompréhensible incompréhension de ceux sur qui il comptait pour relayer son message à ses concitoyens, à ses frères en religion et dans l'épiscopat. Peu lui importent les injures personnelles qu'on lui envoie: de «malhonnête», «d'hypocrite au plus haut degré», de «réactionnaire», «d'intégriste», «d'anticommuniste primaire», de «témoin partisan»: tout cela a été entendu et écrit contre lui. Le coup de pied de l'âne est venu finalement d'ecclésiastiques français — et non des moindres — qui, après l'avoir mis à l'écart de l'Assemblée des évêques de France, ont réussi à convaincre le Vatican de ne pas le nommer «délégué apostolique» auprès des réfugiés du Sud-Est asiatique, alors que le décret était prêt à être signé... Il constate qu'il n'y a pas qu'en régime communiste que l'on peut être trahi par les siens.

Son optimisme surnaturel, sa confiance en Dieu et dans les hommes, font cependant que, loin de désespérer, il voit, au cours de ses années de mission à travers la France, une aurore qui commence à luire à l'horizon, et il fait passer son espoir dans les cœurs des foules qui l'écoutent.

Pour mieux saisir l'âme de Paul Seitz en cette ultime étape de sa vie terrestre, il faut relire les dernières lignes du *Temps des Chiens muets*:

Le premier signe de toute renaissance spirituelle, qu'il s'agisse d'un homme ou d'un peuple, c'est la prière. Quand un certain Ananie, que la peur étreignait, reçut l'ordre d'aller imposer les mains à Saul persécuteur, le Seigneur rassura

vij cử hỏi các Ki-tô hữu bên Việt Nam, bên Tàu, bên Liên Xô xem tôi có nói quá đáng không!

Trên thực tế, các Ki-tô hữu Việt Nam đang sống trong một hỏa ngục ngày càng kinh khủng; nó trở nên không kham nổi nữa đến độ con số các thuyền nhân ngày càng gia tăng trong những năm sau khi vị Giám mục Kontum trở về Pháp. Bị chèn ép, người dân trốn chạy cộng sản, họ thà liều mình chết trên biển cả hơn là chịu những sự bách hại tàn bạo của Việt Cộng, hỏa ngục của các trại tập trung cải tạo và cưỡng bức lao động. Không gì có thể ngăn chặn những kẻ xâm lăng trong nhu cầu quái ác của chúng đòi nghiền nát tất cả những gì không đi theo lý tưởng mác-xít, thêm một chút nòng nặc của chủ thuyết Mao; và chúng bắt đầu bằng cách nghiền nát Giáo hội Công giáo.

Có cần phải lập lại điều này với những người đã không hiểu nó một cách đầy đủ không? Thế trạng Đức Cha ngày càng mòn mỏi, từ khi trở về Pháp, vì sự thiếu hiểu biết không thể hiểu nổi của những người mà Ngài tin tưởng sẽ giúp chuyển lại sứ điệp của Ngài cho người đồng hương, cho các anh em đồng đạo và cho Hội đồng Giám mục. Chẳng quan trọng gì đối với Ngài các lời nguyện rửa cá nhân, mà người ta ném vào mặt Ngài: đồ “bất lương”, “giả hình tội đồ”, “phản động”, “thù cựu”, “chống cộng sơ đẳng”, “chúng nhân phe đảng”: tất cả những điều này đã được nghe và được viết chống lại Ngài. Sau cùng, sự tấn công thấp hèn nhất lại đến từ các giáo sĩ Pháp — và không phải là những người cấp thấp — Sau khi loại Ngài ra khỏi Hội nghị khoáng đại của các Giám mục Pháp, những vị này đã thành công trong việc thuyết phục Vatican đừng bỏ nhiệm Ngài làm “Đại diện Tòa Thánh” đặc trách người tỵ nạn Đông Nam Á, trong khi sắc lệnh đã sẵn sàng để được ký... Ngài khẳng định rằng không phải chỉ trong chế độ cộng sản người ta mới bị phản bội bởi chính các người thân của mình.

Tuy nhiên, sự lạc quan siêu nhiên và lòng tin tưởng của Ngài nơi Thiên Chúa cũng như nơi con người đã khiến cho Ngài, thay vì thất vọng, thì lại trông thấy trong những năm thi hành sứ mệnh trên đất Pháp, một bình minh bắt đầu lộ dạng ở chân trời, và Ngài thông truyền niềm hy vọng của mình sang con tim của các đám đông đang lắng nghe mình.

Để có thể nắm bắt tốt hơn tâm hồn của Đức Cha Seitz ở chặng cuối này trong cuộc đời dương thế của Ngài, cần đọc lại những hàng sau cùng trong cuốn *Thời Những Con Chó Câm*:

Dấu chỉ đầu tiên của bất cứ cuộc tái sinh tinh thần nào, dù là của một người hay của một dân tộc, đó là lời cầu nguyện. Khi ông Khanania, con người đáng thương đang ngột ngạt vì sợ hãi, nhận được lệnh đến đặt tay trên anh Saolô kẻ bách hại, Chúa đã trấn an ông bằng cách chỉ nói một cách đơn giản: “Anh ấy

le pauvre homme en disant tout simplement : « Il prie ! » — Ananie cessa alors de trembler.

Or, voici qu'après tant d'années d'absence, parcourant longuement cette France malade en son âme, je découvre le même signe réconfortant: elle prie.

Il s'y trouve beaucoup de « faim et soif » de Dieu ; beaucoup d'authentique prière en ces foyers de vie spirituelle qui abondent et vont se multipliant. Rien n'est perdu, rien n'est mort. Les vocations ne manquent pas: elles attendent.

Même si parmi ceux-là qui cherchent Dieu, certains s'égarerent sur des sentiers de traverse, vers ces « résidences secondaires » que sont les sectes, les religions orientales, à la recherche de gourous ; même ceux-là qui se donnent à la drogue ou à la contestation, tous témoignent à l'envi que notre univers sans Dieu est devenu irrespirable, qu'ils y étouffent, qu'ils aspirent à une mystique exigeante, qu'ils ont la nausée de cet horizontalisme politico-social dans lequel tant de faux prophètes prétendent les égarer.

L'Église du Christ, tant vilipendée de nos jours, n'a jamais eu un avenir si fécond, une aurore si claire devant elle: elle est à la recherche des hommes. Des foules immenses la cherchent.

Jamais peut-être, le prêtre n'a eu une tâche plus évidente, plus dépouillée de l'humain, plus exaltante à réaliser — parce que aujourd'hui plus tragiquement urgente : porter Dieu, et Dieu seul, aux âmes défaillantes d'inanition ; le reste alors sera donné par surcroît. Simple question de transparence de Dieu !

Parcourant donc la France, j'ai souvent pensé à ce petit personnage légendaire des santons de Provence : « le Ravi »... ce simplet qui ne faisait rien, agaçant tous les autres de ses bras levés et de ce qu'il ne savait que répéter : « Ah ! que c'est beau ! » rendant grâces à Dieu des merveilles qu'il découvrait partout, jusque dans le cœur des hommes!

đang cầu nguyện!” – Vậy là Khanania hết run sợ (xem sách Công Vụ Tông Đồ 9,10-19-ND).

Thế mà này đây, sau biết bao năm vắng mặt, khi miệt mài rong ruổi trên đất Pháp đang bệnh hoạn trong tâm hồn , tôi khám phá ra cùng dấu chỉ khích lệ ấy: nước Pháp đang cầu nguyện.

Tôi thấy ở đây người ta rất “đói khát” Thiên Chúa; có nhiều lời cầu nguyện đích thực trong các tổ ấm đầy sức sống thiêng liêng đang hiện diện khắp nơi và ngày càng gia tăng. Không có gì mất đi, không có gì bị chết. Các ơn gọi không thiếu: chúng đang chờ đợi.

Ngay cả nếu trong số những người kiếm tìm Thiên Chúa đó, có vài kẻ đi lạc trên những con đường băng ngang, hướng về các “nơi trú ngụ hạng hai” là các giáo phái, các tôn giáo Đông phương, kiếm tìm các thầy guru Ấn Độ; kể cả những người đắm mình trong ma túy hay trong sự phản kháng: tất cả đều đua nhau làm chứng rằng vũ trụ vắng bóng Thiên Chúa của chúng ta đã trở thành nơi không thể thở được, rằng ở đó họ bị ngạt, và họ đang khao khát một nền thần bí đòi buộc họ phải vươn cao hơn, rằng họ buồn nôn vì chủ thuyết chính trị xã hội lè tè tầm thường này, trong đó có biết bao ngôn sứ giả đang tìm cách dẫn họ đi lạc lối.

Giáo Hội của Chúa Ki-tô, dù ngày nay bị khinh miệt biết chừng nào, chưa bao giờ lại có một tương lai phong phú như thế, một bình minh tươi sáng như thế trước mặt: Giáo Hội đang lên đường tìm kiếm con người. Các đám đông mênh mông tìm kiếm Giáo Hội.

Có lẽ chưa bao giờ người linh mục lại được mời gọi để thực thi một nhiệm vụ hiển nhiên và cao quý hơn, đòi hỏi xả thân quên mình hơn – bởi vì ngày nay đó là một nhiệm vụ vô cùng khẩn thiết: nhiệm vụ đem Thiên Chúa, và chỉ mình Thiên Chúa thôi, đến cho các tâm hồn đang suy nhược vì đói lả; phần còn lại rồi sẽ được ban thêm gấp bội. Đơn giản chỉ là vấn đề về sự minh bạch của Thiên Chúa!

Như thế, khi rong ruổi đó đây trên toàn nước Pháp, tôi vẫn thường nghĩ tới nhân vật truyền kỳ tẻ hơn trong số các tượng mẫu vùng Provence: đó là tượng “Người hân hoan”... chủ bé đơn sơ này chả làm gì cả, nhưng lại khiến cho mọi người khác khó chịu với đôi cánh tay giơ cao và chỉ biết lập đi lập lại: “A! Đẹp quá!”, bởi chủ ta đang cảm tạ Thiên Chúa vì các điều kỳ diệu mà mình khám phá ra khắp nơi, tận cả trong trái tim con người!

Đức Cha Seitz còn khẳng định rằng:

Je ne puis être pessimiste, affirme encore Mgr Seitz, malgré les graves menaces qui pèsent sur nous, car la braise est brûlante sous les cendres, dans mon pays de France, et Péguy a mille fois raison encore:

« C'est embêtant, dit Dieu.

« Quand il n'y aura plus ces Français.

« Il y a des choses que je fais, et il n'y aura plus personne pour les comprendre.

« Peuple, les peuples de la terre te disent léger

« Parce que tu es un peuple prompt.

« Les peuples pharisiens te disent léger

« Parce que tu es un peuple vite.

« Tu es arrivé avant que les autres soient partis.

« Mais moi je t'ai pesé, dit Dieu, et je ne t'ai point trouvé léger.

« Ô peuple inventeur de la cathédrale, je ne t'ai point trouvé léger en foi.

« Ô peuple inventeur de la croisade, je ne t'ai point trouvé léger en charité.

« Quant à l'espérance, il vaut mieux ne pas en parler, il n'y en a que pour eux.

« Tels sont nos Français, dit Dieu. Ils ne sont pas sans défauts.

« Il s'en faut.

« Ils ont même beaucoup de défauts

« Ils ont plus de défauts que les autres.

« Mais avec tous leurs défauts je les aime encore mieux que tous les autres, avec censément moins de défauts.

« Je les aime comme ils sont.

« Il n'y a que moi, dit Dieu, qui suis sans défauts (1) »

Nulle amertume dans ce cœur de missionnaire, large comme la mer; nul ressentiment à l'égard de ceux qui l'ont fait souffrir, qu'ils soient communistes ou prélats.

Souffrances, certes ! Immenses souffrances de se sentir trahi dans ses convictions les plus intimes et les plus légitimes. Mais « la vie est joie dans la souffrance de l'amour » : ce mot d'un mystique bénédictin (2), il le vivait au jour le jour, et il le vivra jusqu'à son dernier.

Tôi không thể bi quan, mặc dù các mối đe dọa nặng nề đang đè trên chúng ta, bởi vì than hồng vẫn nóng cháy dưới lớp tro, trong nước Pháp quê hương tôi, và thi hào Péguy thật chí lý khi viết:

Phiền ghê, Thiên Chúa nói.

Khi mai đây không còn những người Pháp này nữa.

Có những điều Ta làm ra, và sẽ không còn ai để hiểu chúng.

Hỡi Dân Ta, các dân trên trái đất nói rằng người thật nhẹ,

Bởi vì người là một dân nhanh nhẹn.

Các dân giả hình nói rằng người thật nhẹ

Bởi vì người là một dân lệ làng.

Người đã tới trước khi những dân khác lên đường.

Nhưng Ta, Ta đã cân người, Thiên Chúa nói, và Ta đâu hề thấy người nhẹ tí nào.

Hỡi dân đã tạo ra các nhà thờ chính toà, Ta đâu hề thấy người nhẹ trong đức tin.

Hỡi dân đã sinh ra đạo binh thập tự, Ta đâu hề thấy người nhẹ trong đức ái.

Còn đức cậy, tốt hơn đừng nói đến, chỉ có đức cậy dành cho chúng thôi.

Dân Pháp của chúng ta là thế đấy, Thiên Chúa nói.

Không phải là chúng không khuyết điểm.

Cần phải vậy.

Thậm chí chúng còn nhiều khuyết điểm.

Nhiều khuyết điểm hơn những dân khác.

Nhưng với tất cả những khuyết điểm của chúng,

Ta lại còn yêu chúng vượt trên mọi dân khác, được coi như ít khuyết điểm hơn. Ta yêu chúng vì chúng là như thế.

Chỉ mình Ta, Thiên Chúa nói, là không khuyết điểm! (1)

Không một chút cay đắng nào trong con tim vị Thừa sai bao la như biển cả này; không một thoáng hận thù nào đối với những kẻ đã làm cho Ngài đau khổ, dù họ là cộng sản hay giáo sĩ.

Khổ đau, chắc chắn rồi! Khổ đau muôn vàn vì cảm thấy mình bị phản bội trong các xác tín sâu thẳm nhất và chính đáng nhất. Nhưng “đời sống là niềm vui trong đau khổ của tình yêu”: câu nói này của một đan sĩ thần bí dòng Biển Đức (2),

Oui, c'est bien l'aurore... Il fait Dieu ! conclut-il.

==

Notes:

1. Péguy, *Le Mystère des saints Innocents*.

2. Dom Édouard Roux, *abbé de Fontgombault*.

==

L'aurore de l'éternité

L'aurore d'une vie nouvelle commence à luire à l'horizon. Vient un jour où «Frère Âne» a tendance à se rebiffer, à manifester une fatigue accompagnée de douleurs dans la poitrine, qui rappelle le temps de sa jeunesse au séminaire, mais douleurs surtout dans les reins. Ces douleurs, il les ressent depuis vingt ans, mais il n'a jamais trouvé le temps de s'en occuper.

Serait-ce la phtisie, qui l'a laissé tranquille durant toutes ses années de missions, alors qu'il y menait une vie épuisante, qui réapparaîtrait maintenant qu'il a retrouvé l'air natal ? Comme alors, il ne laisse rien paraître à l'extérieur et cravache ferme, selon son habitude, pour dompter l'animal rétif.

Mais celui-ci se cabre : en 1980, les douleurs rénales sont telles qu'il doit se décider à consulter un médecin et à passer des radioscopies. Le diagnostic tombe, brutal: tumeur aux reins. Il est alors hospitalisé au Val-de-Grâce et opéré sans tarder: on lui retire une tumeur cancéreuse grosse comme un pamplemousse!

Sa constitution endurcie, son énergie, sa prière et celle de tous ses amis — ils sont nombreux ! — permettent son rétablissement, et même la reprise de ses activités. Quatre années durant il va se dépenser encore, à la limite des possibilités humaines ; parallèlement, il va lutter contre le mal, contre des métastases qui gagnent inexorablement du terrain; il est hospitalisé périodiquement, pour freiner leur progression, remettant son sort entre les mains du Seigneur, à qui il redit sa devise épiscopale — qu'il tient du premier et célèbre évêque de Hanoi, Mgr Retord : — « *Fac me cruce inebriari* — Faites que je sois enivré de la Croix. »

Ngài đã sống lời ấy từng ngày, và sẽ còn sống lời ấy cho tới giây phút cuối. Và Ngài kết thúc:

Vâng, kia bình minh đang ló dạng... Nó cho thấy Thiên Chúa!

==

Ghi Chú:

1. PÉGUY, *Le Mystère des saints Innocents* (Sự huyền bí của các Thánh Vô tội)

2. Dom Édouard ROUX, *abbé* (Đức Viện phụ) *de Fontgombault*.

==

Bình minh của sự vĩnh cửu

Bình minh của một cuộc sống mới bắt đầu le lói ở chân trời. Đến ngày mà “Anh Lừa” có ý chống đối, tỏ ra mệt mỏi với những cơn đau trong ngực, nhắc nhớ thời trẻ tại chủng viện, nhưng nhất là những cơn đau nơi thận. Những cơn đau này, Ngài cảm thấy từ hai mươi năm nay, nhưng đã không bao giờ tìm ra thời giờ để chăm sóc.

Có phải là bệnh lao phổi, căn bệnh đã từng để cho Ngài yên trong suốt các năm làm việc truyền giáo, thời mà Ngài đã từng trải qua một cuộc sống vất vả kiệt lực, có phải căn bệnh ấy giờ đây tái xuất hiện hay không, khi Ngài đã tìm lại được không khí quê hương? Cũng như thời xa xưa ấy, Ngài không hề để lộ gì ra bên ngoài, và gồng mình chịu đựng, theo thói quen của Ngài, để bắt con vật bất kham là thân xác phải từng phục.

Nhưng con vật này nhảy lông lên: vào năm 1980, những cơn đau ở thận mạnh đến nỗi Ngài phải quyết định đi khám bác sĩ và chụp quang tuyến. Việc chẩn bệnh cho biết một kết quả thật bàng hoàng: thận có bướu. Ngài được đưa vào bệnh viện Val-de-Grâce và giải phẫu ngay: người ta đã lấy ra một cục bướu to như trái bưởi!

Thể chất cứng rắn, nghị lực, lời cầu nguyện của Ngài cũng như của tất cả rất đông bạn bè thân hữu đã giúp Ngài hồi phục, và thậm chí có thể sinh hoạt trở lại bình thường. Đức cha sẽ còn xả thân suốt bốn năm nữa, đến tận đỉnh giới hạn của khả năng con người; đồng thời, Ngài cũng phải chống chọi cơn đau, đương đầu với những di căn đang lan ra một cách khắc nghiệt. Ngài phải nhập viện thường xuyên, để hạn chế sự tiến triển của chúng, Ngài phó mình trong tay Chúa và thưa lên với Người câu khẩu hiệu giám mục của mình, câu mà Ngài đã lấy lại của vị giám mục đầu tiên và nổi tiếng của Hà Nội là Đức Cha Retord: — “*Fac me cruce inebriari* — Xin cho con say mê Thánh Giá.”

Il sait maintenant que le terme de sa vie est proche. Il demande à recevoir le sacrement des malades, et c'est son fidèle collaborateur depuis trente ans, le Père André Rannou, qui le lui administre, dans la crypte des Martyrs de la rue du Bac, en présence de ses confrères anciens du Vietnam.

Une nouvelle opération est programmée pour le 23 février 1984, du poumon cette fois, que le cancer a gagné. Huit jours avant cette date, Mgr Seitz rédige son testament olographe, instituant le séminaire des Missions Étrangères de Paris son légataire universel, et le Père André Rannou son exécuteur testamentaire avec tous pouvoirs.

Un codicille montre l'état de pauvreté, de misère même, de ce grand missionnaire qui a manié des millions de francs, de piastres ou de dollars tout au long de son temps d'apostolat:

Avant tout, je tiens à déclarer que, venu pauvre en mission en 1937, j'arrive au terme dans le même état de dénuement. Je ne possède rien en propre (3).

Même les dons ou aumônes que j'ai pu recevoir, intuitu personæ (4), j'ai toujours considéré que c'était destiné au service de la mission. Néanmoins, j'ai eu à gérer des fonds appartenant en propre au diocèse de Kontum. (Sur ce point, en référer à Rome.)

Par ailleurs, j'ai utilisé rue du Bac, chambre 1.33, un mobilier et du matériel qui sont la propriété du Groupe montagnard de Kontum. C'est à l'exécuteur testamentaire d'en décider.

La crosse en ivoire avec son coffret appartient au diocèse de Kontum et devra lui être remise dans l'avenir.

Mon calice personnel, souvenir de famille, sera confié à mon neveu, M. Yves Seitz, aussi longtemps qu'il le jugera possible et raisonnable. Sinon, que ce calice soit offert à Joseph A-Roan, s'il persévère jusqu'au sacerdoce.

Quelques souvenirs, sans valeurs propres: vieux cachets, anneau épiscopal, etc., pourront également être conservés pour être rendus un jour à l'évêque de Kontum, s'il y attache quelque prix de souvenirs du passé.

Bây giờ Ngài biết rằng kỳ hạn đời mình đã tới. Ngài xin lãnh nhận bí tích xức dầu bệnh nhân; và chính người cộng sự trung thành của Ngài từ ba mươi năm nay là cha André Rannou, đã làm phép cho Ngài trong hầm nhà nguyện Các Thánh Tử Đạo thuộc Hội Thừa Sai, với sự hiện diện của các anh em linh mục trước đây tại Việt Nam.

Một cuộc giải phẫu mới đã được lên chương trình cho ngày 23 tháng giêng năm 1984, lần này là ở phổi, vì ung thư đã di căn lên đó. Tám ngày trước khi mổ, Đức Cha Seitz đã tự tay viết di chúc, chỉ định chủng viện Hội Thừa Sai Paris là người thừa hưởng di sản, và Cha André Rannou là người có toàn quyền thi hành.

Một bản bỏ túi di chúc cho thấy tình trạng nghèo khó đến bần cùng của vị Thừa sai vĩ đại, người đã quản trị hàng bao nhiêu triệu quan Pháp, đồng tiền Việt hay Mỹ kim trong suốt thời gian làm việc tông đồ của mình. Đức Cha viết trong di chúc:

Trước hết tôi muốn tuyên bố rằng, là người nghèo khó khi đến vùng truyền giáo năm 1937, tôi đi tới cuối đời trong cùng tình trạng trần trụi ấy. Tôi không có gì làm của riêng.(3)

Cả các quà tặng hay của bố thí mà tôi đã có thể nhận được, "intuitu personæ (4)", tôi đã luôn luôn coi như để phục vụ công việc truyền giáo. Tuy nhiên, tôi đã quản trị các ngân quỹ thuộc về giáo phận Kontum (Về điểm này, xin liên lạc với Roma (Toà Thánh, ND).)

Ngoài ra tôi đã sử dụng ở Hội Thừa Sai, phòng số 1.33, một số bàn ghế và vật dụng thuộc tài sản của Nhóm Thượng Kontum. Xin tùy vị thi hành di chúc quyết định.

Gậy giám mục bằng ngà với cái hộp đựng thuộc về giáo phận Kontum, và trong tương lai sẽ phải được trao lại cho giáo phận.

Chén thánh riêng của tôi, kỷ niệm của gia đình, sẽ được giao cho cháu tôi là M. Yves Seitz, bao lâu mà cháu thấy là có thể và có lý để giữ nó. Nếu không, thì chén thánh này được biếu cho Joseph A-Roan, nếu anh ấy kiên trì cho tới chức linh mục.

Vài vật kỷ niệm, không có giá trị riêng: các con triện cũ, nhẫn giám mục vv. có thể được giữ lại để một ngày kia giao lại cho giám mục Kontum, nếu như ngài thấy chúng cũng có giá trị nào đó vì là kỷ vật của quá khứ.

Bibliothèque : je souhaite vivement que les ouvrages scientifiques, d'histoire d'Extrême-Orient ou du Vietnam, d'ethnologie et divers, soient confiés aux bons soins du Père Pierre Tis. Pour tous les autres livres, l'exécuteur testamentaire décidera pour le mieux des intérêts présents et futurs des Montagnards de Kontum en France.

Enfin, ultime désir pour terminer : puisse l'oeuvre de parrainage des Montagnards être poursuivie coûte que coûte et par la volonté des premiers Montagnards venus en France, soutenus par le Révérend Père Rannou.

Fait à Paris, le 14 février 1984.

Paul L. Seitz

==

Notes:

3. *C'est lui qui souligne.*

4. « À titre personnel ».

==

Ses dernières pensées vont donc encore à ses jeunes Montagnards; ses dernières forces sont utilisées pour leur envoyer une dernière lettre, ses ultimes conseils, ses *novissima verba* (5). Le 21 février, avant-veille de sa mort, il leur écrit:

Bien chers Amis, tous et toutes,

Peut-être certains savent-ils ou savent-elles pourquoi je suis encore hospitalisé ? D'autres n'ont pas réalisé... Alors, je pense que je vous dois la vérité. Quand vous recevrez ces lignes, j'aurai déjà été opéré. Jeudi 24 février prochain, je dois subir l'ablation complète du poumon gauche, atteint d'une métastase cancéreuse. Ce poumon est déjà mort et source permanente d'état fébrile et donc infectieux.

Le chirurgien avec qui je viens de m'entretenir de ce sujet ne me cache pas qu'il y a de gros risques pendant l'opération et post-opératoires, en raison de mon âge, d'un coeur fatigué, etc., etc. Pour moi, je ne veux savoir qu'une chose: je suis entre les mains de Dieu, et ce qu'il veut ou permet est toujours le meilleur possible pour notre bien temporel et éternel.

C'est donc dans la sérénité et la joie que je vis ces jours et ces heures d'attente qui me feront connaître clairement la volonté du Seigneur. Je vous invite à participer à ces sentiments de foi élémentaire.

Thư viện: tôi rất mong muốn rằng các tác phẩm khoa học, lịch sử vùng Viễn Đông hay Việt Nam, nhân chủng học và những thứ khác, được giao cho Cha Pierre Tis gìn giữ. Còn mọi sách khác thì tùy ý vị thi hành di chúc quyết định, vì lợi ích hiện tại và tương lai của người Thượng Kontum sống tại Pháp.

Sau hết, một ước muốn cuối cùng để chấm dứt: mong sao việc nhận đỡ đầu cho người Thượng vẫn được tiếp tục bằng bất cứ giá nào, và qua ý muốn của những người Thượng đầu tiên đến Pháp, với sự nâng đỡ của Cha Rannou.

Làm tại Paris ngày 14 tháng hai năm 1984.

Paul L. Seitz

==

Ghi Chú:

3 Chính Ngài gạch bên dưới nhân mạnh

4 “Với danh nghĩa cá nhân”

==

Như thế các ý nghĩ sau cùng của Ngài vẫn hướng về các bạn trẻ người Thượng; các sức lực cuối cùng của Ngài đã được dùng để gửi cho họ một bức thư cuối cùng, các lời khuyên sau hết, những *novissima verba* (5) . Ngày 21 tháng hai, hai hôm trước khi qua đời, Ngài viết cho họ như sau:

Tất cả các bạn trẻ, nam và nữ, rất thân mến,

Có lẽ vài người trong các con biết tại sao Cha còn ở trong bệnh viện? Một số khác thì không... Vì vậy Cha nghĩ rằng Cha phải cho các con biết sự thật. Khi các con nhận được những dòng chữ này, thì Cha đã được giải phẫu. Thứ năm ngày 24 tháng hai tới, Cha phải chịu cắt lá phổi bên trái, mà ung thư đã lan tới. Lá phổi này đã chết và là nguyên do thường xuyên gây nên tình trạng sốt cao và bị nhiễm trùng.

Bác sĩ phẫu thuật, mà Cha vừa mới tiếp chuyện về vấn đề này, đã không dấu Cha rằng có rất nhiều nguy cơ trong và sau khi mổ, vì Cha tuổi đã cao và tim lại đang mệt, vv và vv. Riêng Cha, Cha chỉ muốn biết một điều: đó là Cha đang ở trong tay Chúa, và điều mà Ngài muốn hay cho phép, luôn luôn là điều tốt đẹp nhất có thể cho thiện ích thế trần và vĩnh cửu của chúng ta.

Chính vì vậy mà Cha sống các ngày giờ chờ đợi này trong sự thanh thản và vui tươi, chúng sẽ cho Cha biết một cách rõ ràng ý muốn của Chúa. Cha mời gọi các con chia sẻ với Cha các tâm tình của niềm tin sơ đẳng này.

Mais c'est surtout de vous que je veux m'entretenir. Tous, vous avez atteint l'âge adulte et celui d'une certaine maturité d'esprit et de coeur. Dans son ensemble, l'action éducative et de formation humaine et chrétienne commencée en France, il y a plus de dix ans, a été positive et bénéfique : la preuve est faite que les Montagnards des Hauts-Plateaux du Vietnam sont des hommes à part entière, comme les autres, capables d'intelligence et d'adaptation. Il fut un temps où certains observateurs en doutaient. Pour moi, ce doute ne m'a jamais effleuré.

Par ailleurs, je sais ô combien vous avez subi le choc de la chute du Vietnam sous régime communiste en 1975, qui éliminait tout espoir d'un proche retour au pays, et de vous retrouver en familles. Mais nous ne sommes pas les maîtres de l'Histoire : Dieu en a décidé autrement, et vous voici tous, prenant peu à peu de l'âge, et bien obligés de vous insérer dans ce monde et une vie si différente de celle du Vietnam, et particulièrement de votre pays, — ce que vous faites dans l'ensemble avec courage.

Mais c'est là que je souhaite attirer votre attention sur quelques points de réflexion de la plus haute importance pour la suite de votre épanouissement harmonieux.

Savez-vous ce qui m'a frappé le plus en observant la vie des Montagnards dès mon arrivée sur les Hauts-Plateaux, en 1952 ? C'est leur sens du divin, du sacré, du religieux, du surnaturel... appelez cela comme vous voudrez.

Ce que d'aucuns, à juste titre, qualifieraient aujourd'hui du sens métaphysique inné de l'homme — celui de tous les temps et de tous les lieux, de toutes cultures et civilisations. J'estime que c'est une de vos premières qualités fondamentales, don de Dieu jamais refusé à l'homme de bonne volonté.

Eh bien ! ma première question, posée à tous, est celle-ci: Qu'avez-vous fait de ce don de Dieu, dans le contexte de cette vie occidentale, matérialiste et jouisseuse ? À chacun de répondre dans le secret de son coeur.

Une autre question à laquelle j'invite chacun d'entre vous à répondre loyalement devant Dieu : vous savez que de nombreux étrangers jadis sont venus « travailler » bénévolement pour les Montagnards. Pourquoi, dans l'avenir, n'y aurait-il pas des Montagnards eux-mêmes ?

Nhưng trên hết, Cha muốn nói về các con. Tất cả các con đều đã đạt đến tuổi trưởng thành và tuổi của một sự chín chắn nào đó về tinh thần cũng như tình cảm. Nhìn chung, tác động của việc giáo dục và đào tạo nhân bản cũng như đạo đức Ki-tô giáo, được bắt đầu tại Pháp hơn mười năm nay, đã tỏ ra tích cực và hữu ích: bằng chứng là các người Thượng vùng Cao Nguyên Việt Nam là những người hoàn toàn, như những người khác, có khả năng thông minh và hội nhập. Đã có thời một số nhà quan sát nghi ngờ điều này. Riêng Cha, Cha chưa bao giờ mấy may nghi ngờ điều đó.

Đàng khác, Cha biết các con đã chịu cú sốc lớn như thế nào khi Việt Nam rơi vào chế độ cộng sản năm 1975! Nó loại bỏ mọi hy vọng được sớm trở về quê hương, và gặp lại gia đình. Nhưng chúng ta không làm chủ Lịch Sử: Thiên Chúa đã quyết định một cách khác, và này đây tất cả các con, khi dần dần thêm tuổi, thấy mình bị bó buộc phải hội nhập vào thế giới này, sống một cuộc sống rất khác với cuộc sống tại Việt Nam, và cách riêng với cuộc sống tại quê nhà các con —nói chung các con đang can đảm làm điều này.

Nhưng đó chính là điều cha mong muốn lôi kéo sự chú ý của các con, liên quan tới vài điểm suy tư có tầm quan trọng rất lớn đối với sự tiến triển hài hòa của các con sau này.

Các con có biết điều gì đã đánh động Cha nhất, khi quan sát cuộc sống của người Thượng ngay từ lúc Cha đặt chân lên vùng Cao Nguyên năm 1952 không? Đó là cảm thức của họ về thiên linh, về sự thánh thiêng, về tôn giáo, về siêu nhiên... các con gọi điều ấy là gì thì tùy.

Một số học giả ngày nay gọi đó là cảm thức siêu hình bẩm sinh nơi con người — con người mọi thời và mọi nơi, thuộc mọi nền văn minh và văn hóa. Cha mong rằng đó là một trong những đức tính nền tảng đầu tiên của các con, một món quà mà Thiên Chúa không bao giờ khước từ với người thiện chí.

Vậy thì, câu hỏi đầu tiên mà Cha đặt ra cho tất cả các con là câu hỏi sau: các con đã làm gì với món quà ấy của Thiên Chúa, trong bối cảnh của cuộc sống Tây phương, duy vật và hưởng thụ này? Tự lòng mình, mỗi người phải trả lời một cách riêng tư.

Có một câu hỏi khác mà Cha mời gọi từng người trong các con trả lời một cách thành thật trước mặt Thiên Chúa: các con biết rằng ngày xưa đã có nhiều người ngoại quốc đến “làm việc” thiện nguyện giúp cho người Thượng. Tại sao trong tương lai lại sẽ không có chính các người Thượng làm việc thiện nguyện này?

Mon ambition pour vous ne s'arrête donc nullement au point atteint aujourd'hui. Tout commence maintenant... et c'est vous seuls qui donnerez une réponse à mes ambitions amicales et si profondément affectueuses. S'il plaît à Dieu, c'est là tout un programme de réflexions qui, déjà, doit s'amorcer entre vous, et peut-être se poursuivre lors d'une rencontre à Précigné, fin de l'été prochain.

Je termine en vous déclarant que je délègue au Père Pierre Tis l'héritage de toute l'affection et de tout le dévouement de vos Pères fondateurs de la mission de Kontum. C'est à lui qu'il appartient de resserrer les liens d'amitié entre vous et de vous aider dans votre réflexion, avec, bien entendu, l'aide du cher Père André Rannou.

Quoi qu'il arrive, je vous dis « Au revoir » !

Mgr Paul L. Seitz

==

Notes:

5. « *Ses ultimes paroles* ».

==

Voilà le véritable testament de l'évêque missionnaire de Kontum, adressé à ses enfants bahnars, à ceux qu'il avait appelés *Des Hommes debout*, dans son livre magnifique publié en quantité bien trop modeste, malheureusement, où il fait connaître cette ethnie de souche malayopolynésienne et môn-khmer, à la langue propre, à la culture particulière, qui, sans lui, aurait sans doute été anéantie.

Lui-même est resté un « homme debout » jusqu'à son dernier jour et, à son collaborateur intime, le Père Rannou, qui, au soir du 22 février 1984, lui conseille, vu son état de faiblesse, de renoncer à poursuivre son travail de correspondance qu'il poursuit encore, il répond en désignant sur sa table de chevet un recueil de lettres du maréchal de Lattre de Tassigny, son ami. Le titre: *Ne pas subir*.

Quelques heures plus tard, sur la table d'opération, Paul Seitz rend son âme à Dieu.

Như vậy tham vọng của Cha đối với các con không hề ngừng lại tại điểm mà hôm nay đã đạt tới. Mọi sự bây giờ mới bắt đầu ... và sẽ chỉ có các con là đưa ra được câu trả lời cho những tham vọng thân tình và yêu thương sâu thẳm của Cha. Nếu Chúa muốn, thì đó là cả một chương trình suy tư, đã phải khai mở giữa các con, và có lẽ sẽ được tiếp tục trong một cuộc gặp gỡ tại Précigné, vào cuối mùa hè tới.

Cha kết thúc bằng cách tuyên bố với các con rằng cha ủy thác cho Cha Pierre Tis gia tài tình yêu thương triu mến của cha và tất cả sự tận tụy của các Linh Mục đã thành lập giáo phận Kontum. Chính Cha Tis có bổn phận thắt chặt các mối dây liên kết thân hữu giữa các con với nhau và giúp đỡ các con trong suy tư của mình, dĩ nhiên là với sự yểm trợ của Cha André Rannou.

Dù có xảy ra điều gì đi nữa, cha “tạm biệt” các con!

Đức Cha Paul L. Seitz

==

Ghi Chú:

5 Những di ngôn tối hậu

==

Đó là di chúc thật sự của vị Giám mục Thừa sai Kontum, để lại cho các con cái Bahnar của Ngài, để lại cho những kẻ mà Ngài đã gọi là *Những người đứng thẳng*, trong cuốn sách tuyệt vời, rất tiếc là được ấn hành với con số quá khiêm tốn, trong đó Ngài cho biết về chủng tộc thuộc gốc Mã lai-Polynési và Môn-Khmer này, với ngôn ngữ riêng, với nền văn hóa đặc thù, mà nếu không có Ngài thì chắc là đã bị diệt vong.

Chính Đức Cha đã là “người đứng thẳng” cho tới ngày cuối đời. Buổi chiều ngày 22 tháng hai năm 1984, khi Cha Rannou, người cộng sự thân tín trông thấy tình trạng yếu mệt của Đức Cha nên khuyên Ngài thôi công việc thư tín mà Ngài vẫn đang tiếp tục, Ngài đã trả lời cha bằng cách chỉ vào cuốn sách trên chiếc bàn đầu giường, đó là một tuyển tập những bức thư của thống tướng de Lattre de Tassigny, bạn Ngài. Tựa đề: *Đừng cam chịu*.

Vài giờ sau đó, trên bàn mổ, Đức Cha Seitz trút linh hồn trong tay Chúa.

À Dieu, Monseigneur

La chapelle de la rue du Bac, pourtant vaste, est trop étroite pour accueillir la foule de fidèles venus dire « À Dieu » à leur père, leur frère, leur ami, en ce mercredi 28 février 1984. Le chœur, la nef, les deux tribunes, la cour elle-même, sont bondés, malgré le froid. Français, Vietnamiens, Montagnards sont venus de tous les coins de France, et pleurent.

L'archevêque de Paris a tenu à venir présider la cérémonie, pour marquer son estime à l'égard de celui qui — trop longtemps victime de l'ostracisme de certains de ses pairs — est maintenant reconnu par l'élite française comme « un de ceux qui auront fait le plus d'honneur à la société des Missions Étrangères de Paris au xxe siècle », affirme Mgr J.-M. Lustiger.

L'épître aux Romains (15, 15-21) est bien choisie pour évoquer l'évêque missionnaire. Le Père Jean Faugère — encore un fidèle ami et collaborateur de la première à la dernière heure — prononce l'homélie où, après avoir rappelé l'oeuvre immense accomplie par le Père Seitz à Hanoï, puis à Kontum, il souligne les principaux aspects de sa personnalité:

- Le souci des âmes avant tout, ce qui signifiait le secours aux pauvres, aux jeunes, aux malades, aux abandonnés, aux familles décimées par la guerre;
- Le souci de ses prêtres, et l'union fraternelle entre le clergé vietnamien et les missionnaires ;
- Le souci du développement de tout l'homme, dans toutes ses dimensions: physique, intellectuelle, spirituelle;
- Le souci de la formation des petits et grands séminaristes, dont il suivait les études avec le plus grand sérieux.

Nous avons souvent sa visite, rappelle le Père Faugère, leur responsable. Il aimait causer avec les élèves et beaucoup me disaient:

« Monseigneur ne parle pas très bien le vietnamien, mais nous comprenons tout. Nous l'écoutons toujours avec plaisir, sans voir le temps passer. » C'est que dans ses paroles passaient son dynamisme, ses convictions, signes d'une foi profonde, d'un optimisme inaltérable qui ne pouvaient laisser personne indifférent et que nos élèves appréciaient particulièrement. C'est aussi pour

Vĩnh biệt Đức Cha về bên Chúa

Nhà nguyện Hội Thừa Sai, tuy rộng rãi, nhưng hôm ấy lại quá chật hẹp để tiếp đón đám đông tín hữu đến “tiễn biệt” người cha, người anh, người bạn của họ trong ngày thứ tư 28 tháng 2 năm 1984 về với Chúa. Chung quanh bàn thờ, gian giữa, các hàng ghế hai bên và cả ngoài sân, đầu đầu cũng đầy người, cho dù trời lạnh. Người Pháp, người Việt, người Thượng từ mọi miền nước Pháp đến đây khóc thương Ngài.

Đức Tổng Giám Mục Paris đã muốn đến chủ sự thánh lễ an táng để đánh dấu lòng quý mến của mình đối với Ngài - đã quá lâu là nạn nhân của việc một số giám mục tẩy chay Ngài - nhưng giờ đây được giới trí thức của nước Pháp nhìn nhận như là “một trong những người đem lại vinh dự lớn nhất cho Hội Thừa Sai Paris trong thế kỷ XX”, Đức Cha J.M. Lustiger khẳng định.

Thư gửi tín hữu Roma (15, 15-21) chương 15 các câu từ 15 tới 21 đã được chọn rất đúng để nói về vị Giám mục Thừa sai. Cha Jean Faugère – cũng là một người bạn trung thành và cộng sự nữa từ buổi đầu tiên cho tới giờ cuối cùng – đảm trách phân giảng lễ. Sau khi nhắc lại công trình bao la mà Đức Cha Seitz đã hoàn thành tại Hà Nội, rồi sau đó tại Kontum, cha nêu bật các nét chính nơi con người Đức Cha như sau:

- Lo cho các linh hồn trước hết, điều này đã có nghĩa là cứu giúp người nghèo, giới trẻ, người đau yếu, người bị bỏ rơi, các gia đình tan nát vì chiến tranh;
- Lo cho các linh mục, và sự hiệp nhất huynh đệ giữa hàng giáo sĩ Việt nam và các Thừa sai;
- Lo cho việc phát triển con người toàn vẹn, trong mọi chiều kích: thể lý, trí thức và tinh thần;
- Lo cho việc đào tạo các tiểu và đại chủng sinh, và Ngài rất quan tâm theo dõi việc học hành của họ.

Cha Faugère, người đặc trách các chủng sinh nhắc lại:

Chúng tôi đã thường được Ngài viếng thăm. Ngài thích nói chuyện với các học sinh, và nhiều chú nói với tôi: “Đức Cha nói tiếng Việt không rành lắm, nhưng chúng con hiểu hết. Chúng con lúc nào cũng thích thú lắng nghe Đức Cha, mà không để ý đến thời giờ qua đi.” Đó là vì các lời của Ngài thông truyền sức năng động và những xác tín của Ngài, là các dấu chỉ của một đức tin sâu xa,

cela qu'il était si souvent demandé, en dehors de son diocèse, pour des causeries, des conférences et des prédications de retraite.

Le Seigneur a jugé que son oeuvre sur la terre était achevée. Les dernières années et les derniers mois de sa vie ont été marqués par la souffrance physique. Ceux qui ont eu l'occasion de vivre avec lui ces derniers temps savent avec quel courage et quel optimisme il a accepté l'épreuve. Toutes ses souffrances, il les a offertes pour le Vietnam, et spécialement pour les chrétiens de Kontum qui, eux aussi, connaissent l'épreuve, une terrible épreuve. Si l'on en juge par les quelques nouvelles qui nous parviennent, ils restent fidèles au Christ.

Cette fidélité au Christ des chrétiens des Hauts-Plateaux, malgré les persécutions acharnées dont ils ont été l'objet, on la constate encore trente ans après le rappel à Dieu de cet évêque missionnaire intrépide, extraordinaire réalisateur à travers des circonstances impossibles, animé d'un esprit de foi qui lui faisait reconnaître la main de la Providence au milieu des pires épreuves, qui a été leur pasteur de 1952 à 1975, et qui a rendu compte à Dieu des âmes à lui confiées.

*Père,
ceux que tu m'as donnés,
je veux que là où je suis, eux aussi soient avec moi,
qu'ils contemplent ma gloire, celle que tu m'as donnée,
parce que tu m'as aimé avant la création du monde.
(Jn 17, 24)*

QUELQUES DATES

22 décembre 1906	: naissance au Havre, alors diocèse de Rouen (Seine-Inférieure)
janvier 1907	: baptême, paroisse Sainte-Anne, au Havre
juin 1917	: confirmation, paroisse Sainte-Anne, au Havre
décembre 1926-mars 1928	: service militaire au Maroc
avril 1928	: décision de sa vocation
4 octobre 1928	: arrivée au séminaire de Fontgombault

một tinh thần lạc quan không hề lay chuyển, không thể để cho ai thờ ơ, và các học sinh của chúng tôi đặc biệt thích thú. Cũng chính vì thế mà người ta thường mời Đức Cha tới nói chuyện, diễn thuyết và giảng tĩnh tâm ngoài giáo phận của Ngài.

Chúa xét rằng công trình của Đức Cha trên trái đất này đã hoàn tất. Những năm sau này và những tháng cuối đời, Ngài đã phải chịu nhiều cơn đau thể lý. Những người đã có dịp sống với Ngài trong thời gian này biết Ngài đã chấp nhận thử thách với lòng can đảm và sự lạc quan dường nào. Mọi khổ đau Ngài chịu, Ngài đã dâng hết cho Việt Nam, và một cách đặc biệt cho các Ki-tô hữu Kontum, là những người, họ cũng thế, đang trải qua thử thách, một thử thách khủng khiếp. Nếu người ta xét qua vài tin tức mà chúng tôi nhận được, thì họ vẫn trung thành với Đức Ki-tô.

Lòng trung thành với Đức Ki-tô của các Ki-tô hữu vùng Cao Nguyên ấy, mặc dù họ vẫn bị bách hại dữ dội, người ta còn thấy rõ ba mươi năm sau ngày Chúa gọi vị Giám mục Thừa sai can trường này về: Ngài là người đã thực hiện biết bao công trình phi thường qua các tình huống tưởng chừng như bất khả, Ngài được thúc đẩy bởi một tinh thần đức tin giúp Ngài nhận ra bàn tay của Đấng Quan Phòng giữa các thử thách tồi tệ nhất, Ngài đã là vị chủ chăn của họ từ năm 1952 cho tới năm 1975, và đã tính sổ với Chúa về các linh hồn đã được trao phó cho mình.

*Lạy Cha,
những người Cha đã ban cho con
con muốn rằng con ở đâu, họ cũng ở đó với con,
để họ chiêm ngưỡng vinh quang của con, vinh quang mà Cha đã ban cho con,
vì Cha đã yêu thương con trước khi thế gian được tạo thành."
(Ga 17,24)*

VÀI NIÊN BIỂU

22/12/1906	: sinh tại Le Havre, lúc đó thuộc giáo phận Rouen (hạ nguồn sông Seine)
01/1907	: rửa tội, tại giáo xứ Sainte-Anne, Le Havre
06/1917	: thêm sức, tại giáo xứ Sainte-Anne, Le Havre
12/1926 – 3/1928	: đi quân dịch bên Maroc
4/1928	: quyết định ơn gọi
04/10/1928	: đến chủng viện Fontgombault

13 septembre 1929	: arrivée au séminaire de Bièvres	13/09/1929	: đến chủng viện Bièvres
23 décembre 1933	: tonsure	23/12/1933	: chịu chức cắt tóc
1er Juillet 1934	: 1ers ordres mineurs	01/07/1934	: chịu các chức nhỏ bậc một
7 juillet 1935	: 2es ordres mineurs	07/07/1935	: chịu các chức nhỏ bậc hai
5 juillet 1936	: sous-diacre	05/07/1936	: phụ phó tế
13 mars 1937	: diacre	13/03/1937	: phó tế
4 juillet 1937	: prêtre	04/07/1937	: linh mục
14 septembre 1937	: départ en mission	14/09/1937	: lên đường truyền giáo
15 octobre 1937	: arrivée à Hanoi	15/10/1937	: tới Hà Nội
25 janvier 1939	: vicaire à la cathédrale de Hanoi	25/01/1939	: cha phó nhà thờ chính tòa Hà Nội
23 décembre 1941	: directeur diocésain des oeuvres d'Action catholique	23/12/1941	: giám đốc các hoạt động của Công Giáo Tiến Hành
1945	: curé de la cathédrale de Hanoi	1945	: cha sở nhà thờ chính tòa Hà Nội
22 août 1947	: décès de sa mère, 69 ans	22/08/1947	: thân mẫu qua đời, thọ 69 tuổi
29 juin 1952	: évêque élu de Kontum	29/06/1952	: được chọn làm giám mục Kontum
3 octobre 1952	: consécration à Hanoi	03/10/1952	: tấn phong giám mục tại Hà Nội
2 novembre 1952	: entrée solennelle à Kontum	02/11/1952	: long trọng vào Kontum
11 octobre 1962-8 décembre 1965	: au concile Vatican II	11/10/1962 - 08/12/1965	: tham dự Công Đồng Chung Vatican II
15 juillet 1968	: décès de son père, 94 ans	15/07/1968	: thân phụ qua đời, thọ 94 tuổi
15-16 août 1975	: expulsion du Vietnam, retour à Paris	15-16/08/1975	: bị trục xuất khỏi Việt Nam, trở về Paris
23 février 1984	: décès à Paris, 77 ans et 3 mois	23/02/1984	: qua đời tại Paris, thọ 77 tuổi 3 tháng
19 juin 1988	: canonisation à Rome, par Jean-Paul II, de 117 martyrs vietnamiens	19/06/1988	: Đức Gioan-Phaolô II chủ sự lễ phong Hiển Thánh cho 117 Vị Tử Đạo Việt Nam tại Roma